CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 74/2017/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2017*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc (Khu Công nghệ cao). Các cơ chế, chính sách khác không quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư, làm việc tại Khu Công nghệ cao.

2. Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc (Ban Quản lý).

3. Các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan chuyên môn có liên quan.

Chương II
ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO

Điều 3. Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Khu Công nghệ cao

1. Hạ tầng kỹ thuật (trừ hạ tầng kỹ thuật do doanh nghiệp đầu tư) và khu cây xanh sử dụng công cộng theo quy hoạch chung xây dựng của Khu Công nghệ cao, hạ tầng kỹ thuật nội bộ của Khu nghiên cứu và triển khai và Khu giáo dục và đào tạo được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách trung ương do Ban Quản lý làm chủ đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Hạ tầng cấp điện, cấp nước, viễn thông của Khu Công nghệ cao do các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh. Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật khó có khả năng thu hồi vốn, Thủ tướng Chính phủ quyết định chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp trên cơ sở đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Đối với hạ tầng kỹ thuật nội bộ các khu chức năng ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định phương án đầu tư và huy động vốn để đầu tư xây dựng theo đề nghị của Ban Quản lý. Trường hợp có vướng mắc trong việc đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở và các công trình văn hóa công cộng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Các công trình văn hóa công cộng, khu cây xanh sử dụng công cộng được khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) và các hình thức xã hội hóa khác.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định chủ trương đầu tư, ủy quyền cho Ban Quản lý quyết định đầu tư và thực hiện các thẩm quyền của người quyết định đầu tư

đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghệ cao sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc nhóm B, C.

6. Các đơn vị đầu tư hạ tầng quy định tại Điều này và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp để đầu tư xây dựng và hoàn thành đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghệ cao chậm nhất vào năm 2020.

Điều 4. Giải phóng mặt bằng và tái định cư

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định các chính sách, biện pháp hỗ trợ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu Công nghệ cao phù hợp với thực tế tình hình quản lý đất đai của địa phương, bảo đảm ổn định chính sách chung của dự án và tiến độ giải phóng mặt bằng của Khu Công nghệ cao.

2. Việc đầu tư các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu Công nghệ cao được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Nguồn vốn đầu tư dự án được xác định theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 16 Nghị định này;

b) Đối với các dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định đầu tư trước ngày Luật đầu tư công có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt điều chỉnh dự án, thiết kế và dự toán (nếu có);

c) Ủy ban nhân dân huyện Thạch Thất và huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội là chủ đầu tư các dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm tiếp tục đầu tư xây dựng và hoàn thiện các khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Bắc Phú Cát (đã được sáp nhập vào Khu Công nghệ cao theo Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ) bằng nguồn vốn ngân sách của thành phố.

4. Tiền sử dụng đất thu được khi giao đất cho các hộ dân tại các khu tái định cư và khu đất dịch vụ đầu tư bằng vốn ngân sách trung ương được nộp vào ngân sách thành phố Hà Nội. Hàng năm, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có trách nhiệm bố trí kinh phí tương ứng với số tiền sử dụng đất thu được để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng cho Khu Công nghệ cao.

5. Việc quyết toán các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu Công nghệ cao được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 5. Đầu tư phát triển khoa học và công nghệ

1. Dự án đầu tư mới hoặc mở rộng cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm quy mô lớn tại khu vực phía Bắc trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới thực hiện bằng nguồn vốn khoa học và công nghệ thuộc ngân sách trung ương được khuyến khích đầu tư tại Khu Công nghệ cao.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ ưu tiên bố trí nguồn lực từ các chương trình Quốc gia về khoa học và công nghệ để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ cao, ươm tạo, đào tạo, chuyển giao công nghệ, thu hút nhân lực khoa học và công nghệ, hỗ trợ phát triển công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao cho Khu Công nghệ cao.

Điều 6. Quản lý quy hoạch và xây dựng

1. Ban Quản lý tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng và lập quy hoạch phân khu xây dựng các khu chức năng thuộc Khu Công nghệ cao. Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu Công nghệ cao được lập theo từng dự án đầu tư cụ thể.

2. Bộ Xây dựng phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp quy hoạch điều chỉnh không làm thay đổi ranh giới, tính chất và chức năng sử dụng đất của Khu Công nghệ cao.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý thực hiện chức năng quản lý quy hoạch và xây dựng đối với Khu Công nghệ cao.

Điều 7. Quản lý và khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Ban Quản lý tổ chức thực hiện công tác quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và vận hành toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Khu Công nghệ cao, trừ các công trình quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ Ban Quản lý thực hiện công tác quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng và vận hành hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị của Khu Công nghệ cao.

3. Tiền sử dụng hạ tầng và tiền xử lý nước thải

a) Tiền sử dụng hạ tầng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật do nhà nước đầu tư là khoản thu nhằm bù đắp chi phí vận hành, duy tu, bảo dưỡng;

b) Tiền sử dụng hạ tầng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật do chủ đầu tư hạ tầng đầu tư là khoản thu nhằm bù đắp chi phí xây dựng và chi phí vận hành, duy tu, bảo dưỡng;

c) Tiền xử lý nước thải đối với hệ thống xử lý nước thải do nhà nước đầu tư là khoản thu nhằm bù đắp chi phí vận hành, duy tu, bảo dưỡng;

d) Ban Quản lý quyết định mức thu tiền sử dụng hạ tầng và tiền xử lý nước thải quy định tại điểm a và c khoản này. Đối với tiền xử lý nước thải quy định tại điểm c khoản này, Ban Quản lý lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước và cơ quan quản lý giá tại địa phương trước khi quyết định. Chủ đầu tư hạ tầng quyết định mức thu tiền sử dụng hạ tầng quy định tại điểm b khoản này trên cơ sở chấp thuận của Ban Quản lý;

đ) Nhà đầu tư nộp tiền sử dụng hạ tầng và tiền xử lý nước thải quy định tại điểm a, b và c khoản này.

4. Nguồn kinh phí thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật và hệ thống xử lý nước thải do nhà nước đầu tư được lấy từ nguồn thu tiền sử dụng hạ tầng, tiền xử lý nước thải của các tổ chức, cá nhân hoạt động tại Khu Công nghệ cao và nguồn bù đắp từ ngân sách nhà nước cho đến khi thu đủ để bù đắp chi. Căn cứ số tiền sử dụng hạ tầng và tiền xử lý nước thải thực tế thu được hàng năm, Bộ Tài chính xác định kinh phí ngân sách nhà nước cấp bù.

Chương III
QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Điều 8. Xác định tiền thuê đất, xử lý tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và ưu đãi về đất đai trong Khu Công nghệ cao

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành chi tiết bảng giá đối với các loại đất trong Khu Công nghệ cao căn cứ quy hoạch của Khu Công nghệ cao được duyệt và các điều kiện cụ thể về hạ tầng kỹ thuật.

2. Giá đất cụ thể tính thu tiền thuê đất trong Khu Công nghệ cao được xác định bằng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất và do Ban Quản lý quyết định. Ban Quản lý ban hành hệ số điều chỉnh giá đất và tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất hàng năm sau khi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

3. Ưu đãi về đất đai

a) Đối với trường hợp thuê đất trực tiếp của Ban Quản lý và trường hợp đã được giao đất không thu tiền sử dụng đất phải chuyển sang thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật đất đai, ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

b) Đối với trường hợp thuê lại đất của chủ đầu tư hạ tầng, việc miễn, giảm tiền thuê đất được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định này;

c) Đối với trường hợp sử dụng đất vào mục đích xây dựng công trình phục vụ quản lý và khai thác hạ tầng, người sử dụng đất được miễn tiền thuê đất trong toàn bộ thời gian thuê;

d) Người sử dụng đất được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trong toàn bộ thời gian sử dụng đất.

4. Đối với khu chức năng có chủ đầu tư hạ tầng, trường hợp chủ đầu tư hạ tầng ứng trước tiền để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất Ban Quản lý trực tiếp cho nhà đầu tư thuê, nhà đầu tư có trách nhiệm trả cho chủ đầu tư hạ tầng số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng mà chủ đầu tư hạ tầng đã ứng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được khấu trừ vào tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả, tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp cho nhà nước.

5. Ban Quản lý tổ chức xử lý phần giá trị còn lại của giá trị đã đầu tư vào đất hoặc tài sản gắn liền với đất (nếu có) đối với các trường hợp bị thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai tại Khu Công nghệ cao theo trình tự, thủ tục của pháp luật hiện hành.

6. Các quy định liên quan khác về việc xác định tiền thuê đất, thuê mặt nước, xử lý tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu Công nghệ cao không quy định tại Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư được Ban Quản lý cho thuê đất để thực hiện dự án tại Khu Công nghệ cao phải ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai và đầu tư.

2. Trường hợp nhà đầu tư vi phạm cam kết hoặc bị thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, toàn bộ khoản tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án được sử dụng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

Điều 10. Quản lý đất đai đối với các khu chức năng có chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng (chủ đầu tư hạ tầng)

1. Trường hợp chủ đầu tư hạ tầng được Ban Quản lý cho thuê đất sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành

a) Chủ đầu tư hạ tầng thuê đất đối với diện tích đất xây dựng công trình giao thông và hạ tầng kỹ thuật, đất có mặt nước, đất cây xanh sử dụng công cộng theo quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch phân khu xây dựng được phê duyệt;

b) Căn cứ tiến độ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật của chủ đầu tư hạ tầng, Ban Quản lý bàn giao đất cho chủ đầu tư hạ tầng (không bao gồm diện tích đất quy định tại điểm a khoản này) để thực hiện san lấp mặt bằng. Sau khi hoàn thành san lấp mặt bằng, chủ đầu tư hạ tầng bàn giao lại đất cho Ban Quản lý;

c) Nhà đầu tư được Ban Quản lý trực tiếp giao lại đất, cho thuê đất đối với diện tích đất quy định tại điểm b khoản này. Nhà đầu tư có trách nhiệm trả tiền san lấp mặt bằng cho chủ đầu tư hạ tầng và các khoản tiền khác theo quy định tại Nghị định này.

2. Trường hợp chủ đầu tư hạ tầng đã được Ban Quản lý cho thuê đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chuyển đổi sang hình thức quản lý đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp chủ đầu tư hạ tầng đã được Ban Quản lý cho thuê đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được tiếp tục thực hiện Quyết định cho thuê đất đã ban hành và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất với nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này.

4. Ban Quản lý chấp thuận mức thu tiền sử dụng hạ tầng; tiền thu hồi chi phí san lấp mặt bằng; đơn giá cho thuê lại đất đối với nhà đầu tư thuê lại đất của chủ đầu tư hạ tầng quy định khoản 3 Điều này theo đề xuất của chủ đầu tư hạ tầng.

Chương IV
ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 11. Ưu đãi về thuế

1. Dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao được hưởng ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về thuế.

2. Đối với dự án đầu tư mới tại Khu Công nghệ cao có quy mô vốn từ 4.000 tỷ đồng trở lên được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 30 năm.

3. Đối với các dự án đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép đầu tư trước thời điểm Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu Công nghệ cao (ngày 23 tháng 5 năm 2008) và đang hoạt động tại Khu Công nghệ cao được hưởng các ưu đãi về thuế theo quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã được cấp.

Điều 12. Chính sách phát triển nhà ở cho người lao động làm việc tại Khu Công nghệ cao

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng nhà ở cho người lao động làm việc tại Khu Công nghệ cao. Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng và phát triển nhà ở (bao gồm hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình nhà ở).

2. Các biện pháp hỗ trợ phát triển nhà ở

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án nhà ở cho người lao động làm việc tại Khu Công nghệ cao được hưởng ưu đãi về thuế, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Nghị định này;

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án nhà ở không được tính các khoản tiền do nhà nước đầu tư, hỗ trợ và ưu đãi về thuế, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất vào giá bán nhà, giá cho thuê nhà.

3. Ban Quản lý ban hành quy chế quản lý và sử dụng nhà ở cho người lao động làm việc tại Khu Công nghệ cao.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định các chính sách ưu đãi, hỗ trợ bổ sung khác để phát triển nhà ở cho người lao động làm việc tại Khu Công nghệ cao phù hợp với từng thời kỳ, giai đoạn phát triển của Khu Công nghệ cao.

Điều 13. Xuất nhập cảnh và quản lý người lao động nước ngoài

1. Nhà đầu tư, chuyên gia và người lao động là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài và thành viên gia đình (bao gồm bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi) được xem xét cấp thị thực xuất cảnh, nhập cảnh có giá trị sử dụng nhiều lần và thời hạn phù hợp với thời gian làm việc trực tiếp tại Khu Công nghệ cao.

2. Trưởng ban Ban Quản lý xét cho phép sử dụng thẻ doanh nhân APEC đối với doanh nhân Việt Nam đang làm việc trong các doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư hoạt động tại Khu Công nghệ cao.

3. Ban Quản lý cấp Giấy phép lao động theo quy trình, thủ tục rút gọn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài làm việc tại Khu Công nghệ cao theo ủy quyền của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Trưởng ban Ban Quản lý quyết định chấp thuận kế hoạch sử dụng người lao động nước ngoài của các doanh nghiệp hoạt động tại Khu Công nghệ cao, quyết định cho phép nhà thầu tại Khu Công nghệ cao được tuyển dụng người lao động nước ngoài vào các vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 14. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác

1. Ngoài các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị định này, các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này còn được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật khi đáp ứng đủ các điều kiện được hưởng ưu đãi, hỗ trợ.

2. Đối với các dự án cần đặc biệt thu hút đầu tư vào Khu Công nghệ cao, Bộ Khoa học và Công nghệ trình Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư bổ sung.

Chương V
CÁC CHÍNH SÁCH KHÁC

Điều 15. Quản lý nhà nước đối với Khu Công nghệ cao

1. Ban Quản lý được áp dụng cơ chế "một cửa" trong giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý, cơ chế "một cửa liên thông" trong giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của các cơ quan quản lý nhà

nước và cơ quan chuyên môn khác trong lĩnh vực đầu tư, đăng ký doanh nghiệp, đất đai, xây dựng, lao động và các lĩnh vực khác.

2. Ban Quản lý là cơ quan chủ trì và đầu mối phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan chuyên môn có liên quan trong việc giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa" và "một cửa liên thông" quy định tại khoản 1 Điều này; ban hành quy chế quản lý, sử dụng đất đai bảo đảm sử dụng đất đúng mục đích, đúng đối tượng, hiệu quả và phù hợp với đặc thù của Khu Công nghệ cao; ban hành quy chế quản lý hoạt động đối với các khu chức năng có chủ đầu tư hạ tầng.

3. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và các cơ quan liên quan có trách nhiệm phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý, ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn Ban Quản lý thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Khu Công nghệ cao và phối hợp với Ban Quản lý trong quá trình thực hiện.

4. Ban Quản lý lập biên bản đối với các vi phạm hành chính trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đất đai, môi trường, đầu tư, lao động tại Khu Công nghệ cao và chuyển biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để xử lý theo quy định.

Điều 16. Vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và giải phóng mặt bằng Khu Công nghệ cao

1. Ngân sách trung ương ưu tiên bố trí đủ kinh phí cho Ban Quản lý trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và các nguồn vốn hợp pháp khác để bảo đảm hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật của Khu Công nghệ cao theo tiến độ quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định này. Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phương án bố trí vốn cho Ban Quản lý.

2. Ngân sách trung ương cấp ủy quyền cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kinh phí thực hiện các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu Công nghệ cao thông qua kế hoạch ngân sách hàng năm của Ban Quản lý.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội bố trí nguồn vốn của thành phố trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành các công trình quy định tại khoản 3 Điều 4 và điểm b, điểm c khoản 3 Điều 21 Nghị định này; bố trí kinh phí để thực hiện giải phóng mặt bằng Khu Công nghệ cao theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định này.

Điều 17. Thu, nộp và sử dụng tiền thuê đất; tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả; tiền sử dụng hạ tầng; tiền xử lý nước thải; tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án trong trường hợp nhà đầu tư vi phạm

1. Tiền thuê đất, tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả, tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án

a) Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng do người sử dụng đất hoàn trả được nộp vào ngân sách trung ương và được trừ vào tiền thuê đất phải nộp. Số tiền thuê đất còn lại được nộp vào ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Ban Quản lý tổ chức thu tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả quy định tại điểm a khoản này và các khoản thu khác có liên quan của người sử dụng đất trong Khu Công nghệ cao, nộp vào tài khoản riêng của Ban Quản lý tại kho bạc nhà nước;

c) Số tiền thu được tại điểm b khoản này và tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này được sử dụng để tiếp tục giải phóng mặt bằng, tái đầu tư phát triển Khu Công nghệ cao và nộp ngân sách nhà nước;

d) Hàng năm, Ban Quản lý tổng hợp số thu tại điểm b, c khoản này, báo cáo Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phương án sử dụng để tiếp tục giải phóng mặt bằng và tái đầu tư phát triển Khu Công nghệ cao.

2. Tiền sử dụng hạ tầng và tiền xử lý nước thải

Ban Quản lý tổ chức thu tiền sử dụng hạ tầng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật do nhà nước đầu tư và tiền xử lý nước thải để thực hiện công tác vận hành, duy tu, bảo dưỡng và duy trì điều kiện phục vụ của các công trình hạ tầng kỹ thuật và hệ thống xử lý nước thải.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Quy định chuyển tiếp về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với các trường hợp đã sử dụng đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa nộp tiền thuê đất

1. Nhà đầu tư đã sử dụng đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có Quyết định cho thuê đất và chưa nộp tiền thuê đất

a) Được hưởng các ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này. Thời gian hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất được tính từ thời điểm nhận bàn giao đất trên thực địa;

b) Không phải hoàn trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng nếu thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao;

c) Thực hiện nộp tiền thuê đất và hoàn trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành khi Ban Quản lý có Quyết định cho thuê đất. Số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoàn trả được khấu trừ vào tiền thuê đất trong trường hợp thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất một lần hoặc được quy đổi ra số năm, tháng hoàn thành nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất theo chính sách về giá đất tại thời điểm có Quyết định cho thuê đất trong trường hợp thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm.

2. Chủ đầu tư hạ tầng đã được Ban Quản lý cho thuê đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa nộp tiền thuê đất

a) Chủ đầu tư hạ tầng thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm được miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất và có trách nhiệm miễn tiền thuê đất cho nhà đầu tư thuê lại đất tương ứng với mức ưu đãi của chủ đầu tư hạ tầng quy định tại Điểm này;

b) Chủ đầu tư hạ tầng phải nộp tiền thuê đất một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 theo hình thức thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê. Số tiền chủ đầu tư hạ tầng phải nộp được xác định bằng đơn giá thuê đất hàng năm quy định tại Văn bản số 2703/UBND-KT ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây nhân (x) thời gian cho thuê lại đất trừ thời gian được miễn tiền thuê đất còn lại theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này tính từ thời điểm cho thuê lại đất nhân (x) diện tích đất đã cho thuê lại. Chủ đầu tư hạ tầng phải trả tiền chậm nộp đối với số tiền này tính từ thời điểm cho thuê lại đất đến thời điểm nộp tiền thuê đất vào ngân sách nhà nước.

3. Nhà đầu tư có trách nhiệm trả tiền sử dụng hạ tầng theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

Điều 19. Quy định chuyển tiếp đối với các dự án đã sử dụng đất tại khu vực mở rộng quy hoạch Khu Công nghệ cao theo Quyết định số 621/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ (khu vực phía Nam Đại lộ Thăng Long và khu vực phía Đông Khu Công nghệ cao trên địa bàn xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội)

1. Đối với diện tích đất chủ đầu tư hạ tầng đã cho thuê lại trước thời điểm sáp nhập Khu công nghiệp Bắc Phú Cát vào Khu Công nghệ cao nhưng chủ đầu tư hạ tầng chưa nộp tiền thuê đất

a) Chủ đầu tư hạ tầng thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm được miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất;

b) Chủ đầu tư hạ tầng phải nộp tiền thuê đất một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại theo hình thức thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê. Số tiền chủ đầu tư hạ tầng phải nộp được xác định bằng đơn giá thuê đất hàng năm quy định tại Quyết định số 896/QĐ-TC ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Sở Tài chính Hà Tây nhân (x) thời gian cho thuê lại đất trừ thời gian được miễn tiền thuê đất còn lại theo quy định tại điểm a khoản này tính từ thời điểm cho thuê lại đất nhân (x) diện tích đất đã cho thuê lại. Chủ đầu tư hạ tầng phải trả tiền chậm nộp đối với số tiền này tính từ thời điểm cho thuê lại đất đến thời điểm nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

2. Đối với diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây cho thuê trước thời điểm Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu Công nghệ cao (ngày 23 tháng 5 năm 2008)

a) Ban Quản lý tiếp tục quản lý, sử dụng đất để xây dựng và phát triển Khu Công nghệ cao. Trường hợp cần thiết, Ban Quản lý điều chỉnh quyết định cho thuê đất đã được ban hành cho phù hợp với quy hoạch Khu Công nghệ cao và nhu cầu sử dụng đất thực tế của dự án;

b) Nhà đầu tư được hưởng các ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định cho thuê đất/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã được cấp và quy định của pháp luật tại thời điểm được nhà nước cho thuê đất;

c) Căn cứ chính sách về giá đất từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xác định và thông báo tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp đối với thời gian sử dụng

đất thực tế tính từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây có Quyết định cho thuê đất hoặc từ ngày bàn giao đất trên thực địa đến hết năm 2016, Ban Quản lý xác định và thông báo tiền thuê đất nhà đầu tư phải nộp trong những năm tiếp theo. Tiền thuê đất được nộp vào ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

d) Việc xử lý số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng nhà đầu tư đã ứng trước theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao.

3. Nhà đầu tư sử dụng đất tại khoản 1, khoản 2 Điều này không được mở rộng quy mô xây dựng và không được gia hạn sử dụng đất. Khi có kế hoạch sử dụng đất để đầu tư phát triển Khu Công nghệ cao theo quy hoạch, Ban Quản lý đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thu hồi đất theo quy định.

4. Các trường hợp đã sử dụng đất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này.

Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này.

Điều 21. Trách nhiệm của các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn thực hiện các nội dung quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 4; khoản 3, khoản 4 Điều 7; Điều 8; điểm c khoản 1 và khoản 4 Điều 10; Điều 11; Điều 17; Điều 18 và Điều 19 Nghị định này;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định phương án xử lý đối với các dự án đang hoạt động tại Khu Công nghệ cao mà chưa được hưởng ưu đãi về thuế.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 16 và điểm d khoản 1 Điều 17 Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nội dung quy định tại các khoản: 1, 2, 3 và 4 Điều 4; khoản 3 Điều 6; khoản 2 Điều 7; khoản 1, khoản 2 Điều 8; khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 13; khoản 2, khoản 3 Điều 15; khoản 3 Điều 16; điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định này;

b) Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, cấp nước và thoát nước nằm ngoài ranh giới Khu Công nghệ cao và có tính chất kết nối với Khu Công nghệ cao bằng nguồn vốn của thành phố, hoàn thành chậm nhất vào năm 2020;

c) Đầu tư xây dựng các công trình thay thế chức năng tưới tiêu của hệ thống sông, suối, hồ thủy lợi nằm trong quy hoạch Khu Công nghệ cao, bảo đảm đồng bộ với hệ thống thủy lợi chung của địa phương. Bàn giao toàn bộ diện tích mặt nước cho Ban Quản lý tổ chức quản lý, khai thác và vận hành chậm nhất vào năm 2020;

d) Bổ sung quỹ đất và giao đất bên ngoài Khu Công nghệ cao cho các tổ chức, cá nhân thực hiện dự án nhà ở cho người lao động làm việc tại Khu Công nghệ cao.

4. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị định này.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 8 năm 2017.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Trưởng ban Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc